

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày: 30-3-2023
Về việc: "Tranh chấp đất đai"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Ngân, bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐPT-DS ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Huy A**, sinh năm: 1971, địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy A: Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1997, địa chỉ: Số 58 N, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt;

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G, Luật sư Văn phòng Luật sư L, địa chỉ: Số 58 N, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt

- Bị đơn: **Ông Mai V**, tên gọi khác: Mai Văn V, sinh năm: 1947, bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960, địa chỉ: Xóm Nam P, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Huy X, sinh năm: 1952, địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953, địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961, địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Huy Q, sinh năm: 1966, địa chỉ: Xóm Liên Phú, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt

+ Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Huy Q: Ông Nguyễn Huy A, sinh năm: 1971, địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

+ Đại diện UBND xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Công chức địa chính, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Huy A trình bày:

Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, diện tích 547m² (bản đồ 371) tại xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc do cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Nguyễn Thị S để lại, đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 15/5/2001. Cụ Nguyễn Văn Tr chết ngày 17/5/1987, cụ Nguyễn Thị S chết ngày 31/5/2006. Cụ Tr và cụ Sáu chết đều không để lại di chúc. Ngày 29/12/2020 các đồng thừa kế gồm các con của hai cụ là ông Nguyễn Huy X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Huy Q, ông Nguyễn Huy A đã họp gia đình thống nhất giao quyền thừa kế quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Huy A. Khoảng năm 2001 do hoàn cảnh gia đình bà Nguyễn Thị H khó khăn nên ông Á cho bà Hiếu về làm nhà sinh sống trên một phần thửa đất, tiếp giáp với đất gia đình ông Mai V và bà Nguyễn Thị T. Từ đó đến nay thửa đất do gia đình ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng. Đường ranh giới giữa đất gia đình cụ Tr và gia đình ông Mai V trước đây là 01 dãy tro thẳng hàng và 01 mương thoát nước. Năm 2006 khi bà Nguyễn Thị H xây dựng nhà có để lại một phần đất có chiều rộng 1,8m, chiều dài 13,6m, diện tích 24,48m² để làm mương thoát nước và đi lại dọn vệ sinh. Tuy nhiên, năm 2011 gia đình ông V bà T xây chuồng lợn có mái che lấn chiếm trên diện tích đất nói trên của gia đình. Vì vậy ông Á đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V, bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm 24,48m².

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai V trình bày: Thửa đất số 378, tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) tại xóm Nam P, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc là đất thổ cư do cha ông để lại nhiều đời nay. Năm 1986 cha mẹ chết giao cho ông V được thừa kế quyền sử dụng đất thửa nói trên. Quá trình sử dụng đất ông V có tách thửa cho em trai là ông Mai Văn V sử dụng một phần thửa đất. Ông Vượng và ông V đều đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Trước đây ranh giới giữa 2 gia đình có 01 mương thoát nước nhưng cách đây khoảng 20 năm khi bà Hiếu xây dựng nhà đã xây tường rào ngăn cách giữa 02 gia đình. Gia đình ông V đã sử dụng đất ổn định từ trước tới nay, không lấn chiếm đất của gia đình ông Á nên ông V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày thống nhất với lời trình bày của ông V và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Huy A. Gia đình đã hợp phân chia cho ông Á được quyền thừa kế thừa đất số 379, tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371). Năm 2001 do hoàn cảnh khó khăn nên bà Hiếu được gia đình thống nhất cho về xây dựng nhà trên 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất trên, lúc đó mới dựng nhà tranh để ở, đến năm 2006 bà Hiếu được Nhà nước hỗ trợ xóa nhà tranh tre dột nát nên xây dựng nhà cấp 4 và xây ốt bán hàng. Diện tích đất bà sử dụng có tiếp giáp với đất gia đình ông Mai V và bà Nguyễn Thị T. Ranh giới giữa hai nhà gồm có quán cóc, nhà bếp tạm, bể nước, nhà vệ sinh và 01 khoảng đất trừ lại làm mương thoát nước để đi lại dọn vệ sinh. Về bức tường xây bằng gạch táp lô nằm trên ranh giới giữa 2 nhà do bà Hiếu xây dựng nhưng không phải tường rào, phần phía trước bức tường là tường nhà bà Hiếu sử dụng làm kiot bán hàng, phần tường liền sát kiot là bể lọc nước trước đây, tiếp đến là nhà vệ sinh. Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông V bà T lấn chiếm phần diện tích đất làm mương thoát nước của gia đình. Phía trên phần đất vợ chồng ông V lấn chiếm của gia đình có xây chuồng lợn và mái che. Nay ông Á làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm 24,48m² bà Hiếu đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy X, ông Nguyễn Huy Q, bà Nguyễn Thị L do ông Nguyễn Huy A làm người đại diện ủy quyền thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Huy A và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh căn cứ Điều 100 Luật đất đai; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huy A về việc yêu cầu bị đơn ông Mai V và bà Nguyễn Thị T trả lại 24,48m² đất lấn chiếm.

Ngoài ra, án có tuyên về án phí, lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2022, nguyên đơn – ông Nguyễn Huy A kháng cáo toàn bộ bản án số 07/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo; các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Huy A khởi kiện tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh được quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a mục 5 Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Nguyễn Huy A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh giữa ông Nguyễn Huy A và ông Mai V.

[2.1] Về nguồn gốc đất đai và quá trình sử dụng đất:

[2.1.1] Thửa đất hộ ông Nguyễn Huy A có địa chỉ tại xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh: Theo kết quả xác minh tại địa phương, thửa đất có nguồn gốc hình thành sử dụng trước năm 1980 do cha ông của ông Nguyễn Huy A để lại. Tại bản đồ 299 (đo vẽ năm 1985) thuộc thửa đất số 424 + 425 tờ bản đồ số 3, có diện tích $282 \text{ m}^2 + 197 \text{ m}^2 = 479 \text{ m}^2$, tên chủ sử dụng đất trên Sổ mục kê là “Nguyễn Triêm”. Tại bản đồ 371 (đo vẽ năm 1995) thuộc thửa đất số 379 tờ bản đồ số 5, diện tích 547 m^2 , tên chủ sử dụng đất trên Sổ mục kê là “Nguyễn Văn Tiêm”. Ngày 15/5/2001 thửa đất trên được UBND thị xã Hà Tĩnh cấp GCNQSDD mang tên bà “Nguyễn Thị Tiêm” (cấp theo Nghị định 64-CP). Tại bản đồ kỹ thuật số (chỉnh lý năm 2015) có số thửa 425, tờ bản đồ số 8, diện tích $469,4 \text{ m}^2$ mang tên “Nguyễn Huy A”.

Quá trình sử dụng đất: Trước đây thửa đất do cha mẹ ông Nguyễn Huy A (ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị S) sử dụng. Sau khi bà Sáu và ông Triêm chết thì gia đình ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng thửa đất. Về việc sai khác tên chủ sử dụng đất trong hồ sơ địa chính của gia đình ông Nguyễn Huy A là do ghi theo tên thường gọi tại từng thời điểm lập hồ sơ. Thực tế tên “Nguyễn Triêm”, “Nguyễn Văn Tiêm” trên các Sổ mục kê là cùng một người, tức là cụ Nguyễn Văn Tr (cha của ông Nguyễn Huy A). “Nguyễn Thị Tiêm” trên GCNQSDD là cụ Nguyễn Thị S (mẹ của ông Nguyễn Huy A).

Cụ Tr và cụ Sáu chết không để lại di chúc. Ngày 29/12/2020 các đồng thừa kế gồm các con của 2 cụ là ông Nguyễn Huy X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Huy Q, ông Nguyễn Huy A đã họp gia đình lập văn bản thống nhất giao cho ông Nguyễn Huy A được thừa kế quyền sử dụng đất trên, chứng thực tại UBND xã T. Vì vậy, ông Nguyễn Huy A được tạm giao quyền quản lý sử dụng thửa đất.

[2.1.2] Thừa đất hộ ông Mai V sử dụng có địa chỉ tại xóm Nam P, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh: Theo kết quả xác minh tại địa phương, thửa đất có nguồn gốc hình thành sử dụng trước năm 1980 do cha ông của ông Mai V để lại. Tại bản đồ 299 (đo vẽ năm 1985) thuộc thửa đất số 422 tờ bản đồ số 3, có diện tích 870 m², tên chủ sử dụng đất trên Sổ mục kê là “Mai Văn Chỉ” (cha của ông V). Tại bản đồ 371 (đo vẽ năm 1995) thuộc thửa đất số 378 tờ bản đồ số 5, diện tích 959 m², tên chủ sử dụng đất trên Sổ mục kê là “Mai Văn Vịnh”. Sau đó thửa đất được tách thành 02 thửa. Ngày 10/12/2000, UBND thị xã Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ mang tên ông Mai V với diện tích 434 m² và GCNQSDĐ mang tên ông Mai Văn V với diện tích 525m², tổng 02 hộ là 959m² (cấp theo Nghị định 64-CP). Tại bản đồ kỹ thuật số (chỉnh lý năm 2015), thửa đất gia đình ông Mai V có số thửa 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 694,1 m² mang tên “Mai V”, thửa đất gia đình ông Mai Văn V có số thửa 423, tờ bản đồ số 8, diện tích 412,9 m² mang tên “Mai Văn V”. Ngày 15/8/2016, vợ chồng ông Mai Văn V và bà Đinh Thị Kim Hoàn được UBND thị xã Hà Tĩnh cấp đổi GCNQSDĐ tương ứng số thửa 423 tờ bản đồ số 8 với diện tích 413,6 m².

Quá trình sử dụng thửa đất: Trước đây, thửa đất này do cha mẹ ông V sử dụng. Sau khi cha mẹ ông V chết thì thửa đất được tách thành 02 thửa (01 thửa do gia đình ông Mai V sử dụng, 01 thửa do gia đình ông Mai Văn V sử dụng). Ngoài tranh chấp với gia đình ông Nguyễn Huy A thì thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ khác. Về diện tích đất hộ ông Vượng và hộ ông V khi cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 64-CP không đúng thực tế sử dụng do thời điểm đó 02 gia đình tự chia diện tích với nhau trên giấy tờ mà không tiến hành đo đạc, sau này đo đạc diện tích đất từng hộ thực tế sử dụng thì hộ ông Vượng đã được cấp đổi GCNQSDĐ đúng diện tích, còn hộ ông V do có tranh chấp nên chưa được cấp đổi.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện: Thửa đất hộ ông Nguyễn Huy A có diện tích 474,1m², so với bản đồ 299 giảm 4,9m², so với bản đồ 371 giảm 72,9m², so với bản đồ kỹ thuật số năm 2015 tăng 4,7m². Thửa đất hộ ông Mai V có diện tích 694,4m², thửa đất hộ ông Mai Vượng có diện tích 413,2m², tổng là 1.107,6m², so với bản đồ 299 tăng 237,6m², so với bản đồ 371 tăng 148,6 m², so với bản đồ kỹ thuật số tăng 0,3m². Về kích thước các cạnh thửa do các bản đồ trước đây không có hồ sơ về kích thước các cạnh thửa nên không có căn cứ để so sánh.

[2.3] Về đánh giá chứng cứ: Xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quá trình cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ: Về đường ranh giới phía Đông của hộ ông V (có giáp hộ ông Á) trên bản đồ 299 và bản đồ 371 không thể hiện có

gấp khúc, còn hiện trạng có gấp khúc. Tuy nhiên theo UBND xã T cung cấp, bản đồ 299 và 371 của xã T được đo vẽ theo tỷ lệ 1:2000 (trên thực tế 2m tương ứng trên bản đồ 1mm) nên những đoạn gấp khúc có kích thước quá nhỏ thì không được thể hiện rõ trên bản đồ. Về diện tích: mặc dù thửa đất của hộ ông Nguyễn Huy A có biến động giảm, hộ ông Mai V có biến động tăng nhưng về số diện tích biến động giữa 02 hộ có sự chênh lệch lớn, không trùng khớp nhau và không trùng khớp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh tại địa phương, có sự biến động về diện tích của các hộ giữa các lần đo đạc từ năm 1985 đến nay là do sai số trong đo đạc, trước đây dụng cụ đo đạc còn thô sơ, ranh giới là các bụi rậm, khó xác định, tính toán diện tích không chính xác. Theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Bản đồ 299 và Bản đồ 371 không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất nên không có giá trị chứng minh về quyền sử dụng đất của các hộ. Quá trình sử dụng đất, phía gia đình ông Á đã xây dựng tường rào bao quanh thửa đất nhiều năm nay. Năm 2006 gia đình bà Hiếu đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ khác sát ranh giới đất giữa 02 hộ, thời điểm đó gia đình ông V chưa xây dựng công trình gì, sau nhiều năm gia đình ông V mới tiến hành xây dựng chuồng lợn, mái che phía trong và tường rào bao phía ngoài giáp đường dân cư, khi ông V xây dựng, gia đình ông Á không có đơn đề nghị đình chỉ xây dựng. Hơn nữa, diện tích đất 03 hộ liền kề đất hộ ông Nguyễn Huy A đều tăng, các bản đồ 299, 371 và GCNQSDĐ của các hộ đều không có kích thước các cạnh thửa và tọa độ thửa đất để xác định vị trí thửa thiếu đất so với thời điểm hiện tại. Vì vậy, không có căn cứ xác định hộ ông Mai V lấn chiếm đất diện tích 24,48m² của hộ ông Nguyễn Huy A như nhận định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy A là có cơ sở, đúng pháp luật. Cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Huy A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Huy A phải chịu 300.000 đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

2. Căn cứ Điều 100 Luật đất đai; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huy A về việc yêu cầu bị đơn ông Mai V và bà Nguyễn Thị T trả lại 24,48m² đất lấn chiếm.

3. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Huy A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 1087 ngày 13 tháng 4 năm 2022.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy A phải chịu 300.000đ án phí DSPT đã nộp tại Biên lai số 0001132 ngày 17/10/2022 tại Chi cục THADS thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Huy A phải chịu 5.566.546 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông A đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh HT;
- Tòa án, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Khắc Hoàng